

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững  
rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Công văn số 655/TCLN-BTTN ngày 07/5/2014 của Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Ban quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tại Công văn số 170/CV-VQG BGM ngày 5/6/2014 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 139/TTr-SNN ngày 28/7/2014 về việc phê duyệt Báo cáo quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến năm 2020 với nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đến năm 2020.

**2. Quy mô và địa điểm đầu tư**

- Tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Diện tích 25.788,6 ha.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

**4. Cơ quan tư vấn:** Trung tâm Nghiên cứu Rừng và Đất ngập nước.

**5. Thời kỳ quy hoạch:** Đến năm 2020.

**6. Các mục tiêu cụ thể:**

- Hoàn thiện hồ sơ khoán bảo vệ rừng cho các cộng đồng vùng đệm, đặc biệt là các hộ dân nghèo, đồng bào dân tộc bản địa, không có đất sản xuất, sinh kế không ổn định để thu hút họ tham gia vào các hoạt động bảo vệ, ngăn chặn sự xâm phạm trái phép vào Vườn Quốc gia, phòng cháy và chữa cháy rừng trên cơ sở sử dụng bền vững tài nguyên rừng và chia sẻ lợi ích công bằng, minh bạch và ổn định giữa các bên.

- Xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở thiết lập các dịch vụ môi trường rừng, đặc biệt là các dịch vụ du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng dân cư vùng đệm, kết nối các khu du lịch của tỉnh Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh.

- Thiết lập cơ chế giám sát diễn biến đa dạng sinh học ở các phân khu làm cơ sở khoa học quản lý tài nguyên rừng

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng bảo tồn thiên nhiên của các cán bộ kỹ thuật Vườn Quốc gia được nâng lên thông qua các chương trình đào tạo, tiến trình thực hiện các công việc thực tế, điều kiện sống và làm việc được cải thiện thông qua thu nhập từ các hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Kết cấu hạ tầng các công trình của Vườn Quốc gia được bảo trì, nâng cấp để phục vụ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên, làm việc và sinh hoạt ổn định, lâu dài của Ban Quản lý Vườn Quốc gia và phục vụ nhiệm vụ trong nước và quan hệ quốc tế.

**7. Diện tích Vườn Quốc gia Bù Gia Mập sau khi điều chỉnh**

Tổng diện tích tự nhiên của Vườn Quốc gia Bù Gia Mập: 25.788,6 ha.

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 15.117,3 ha.

- Phân khu phục hồi sinh thái: 10.535,1 ha.

- Phân khu hành chính - dịch vụ: 136,2 ha.

**8. Vị trí, phạm vi, ranh giới vùng đệm**

Tổng diện tích vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập 18.036 ha, Trong đó, vùng đệm thuộc tỉnh Bình Phước 10.036 ha, tỉnh Đăk Nông là 8.000 ha, bao gồm:

Diện tích các thôn và chủ rừng thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tại xã Đăk Ô

Đơn vị: ha

STT	Thôn/ Đơn vị chủ rừng	Diện tích (ha)	Số hộ	Hộ nghèo
1	Thôn 2 Bù Bung	576	1.205	265
2	Thôn 2 Bù Khon	228	758	175
3	Thôn 3	1.773	1.627	303
4	Thôn Bù Ka	1.224	519	107
5	Rừng sản xuất	1.174		
-	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thủy điện Thống Nhất	52		
-	Công ty TNHH Hoàn Hảo	108		
-	Nông lâm trường Đăk Mai	713		
-	UBND huyện Bù Gia Mập	301		
6	Rừng phòng hộ (Nông lâm trường Đăk Ô)	342		
-	Rừng phòng hộ biên giới	68		
-	Rừng phòng hộ đầu nguồn	274		
	<b>Tổng</b>	<b>5.317</b>	<b>4.109</b>	<b>850</b>

Diện tích các thôn và chủ rừng thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tại xã Bù Gia Mập

Đơn vị: ha

STT	Thôn/ Đơn vị chủ rừng	Diện tích (ha)	Tổng số hộ	Hộ nghèo
1	Bù Dốt	293	123	5
2	Bù La	160	66	16
3	Bù Lư	340	196	11
4	Bù Nga	283	145	16
5	Bù Rên	185	201	21
6	Đăk Á	439	180	30
7	Đăk Côn	955	223	16
8	Nông lâm trường Đăk Mai	1.560		
-	Rừng phòng hộ đầu nguồn	346		
-	Rừng sản xuất	1214		
9	Công ty TNHH Mỹ Lệ	461		
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thủy điện Thống Nhất	43		
	<b>Tổng</b>	<b>4.719</b>	<b>1.134</b>	<b>115</b>

Diện tích các chủ rừng thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tại xã Quảng Trục tỉnh Đắk Nông.

Đơn vị: ha

Tiểu khu	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	Ban quản lý rừng PHBG	Ban quản lý rừng PH Thác Mơ	Tổng
1446		389	731	1.120
1453			1.047	1.047
1464			1.073	1.073
1469	650			650
1482	1.232			1.232
1485	1.005			1.005
1500	1.180			1.180
1504	693			693
<b>Tổng</b>	<b>4.760</b>	<b>389</b>	<b>2.851</b>	<b>8.000</b>

## 9. Các chương trình đầu tư

### 9.1. Chương trình đầu tư bảo vệ rừng

#### (1). Đầu tư xây mới các trạm bảo vệ rừng

- Khối lượng đầu tư

+ Xây mới Trạm QL BVR: 6 trạm

+ Xây mới trụ sở đội kiểm lâm cơ động

+ Kéo đường dây điện hạ thế từ đường đến Trạm quản lý bảo vệ rừng số 1

- Tổng vốn đầu tư: 20.000.000.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: Năm 2016; 2018; 2020

#### (2). Đầu tư hệ thống mốc bảng ranh giới Vườn Quốc gia Bù Gia Mập

- Khối lượng đầu tư

+ Tổng số mốc: 152 cái (Mốc cấp I: 67 cái; ; Mốc cấp II: 85 cái)

+ Bảng ranh giới: 15 bảng

+ Bảng nội quy: 27 bảng

+ Bảng chỉ dẫn: 10 bảng

- Vốn đầu tư: 1.733.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2016 - 2017

#### (3). Nâng cấp và xây mới các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng

- Khối lượng đầu tư

+ Đường tuần tra phía Nam Vườn Quốc gia: Nâng cấp từ đường sỏi thành đường nhựa chiều dài 7 km, chiều rộng mặt đường: 3,5 m; lề đường 1,5 m x 2

- Đường tuần tra kết hợp phát triển du lịch sinh thái:
- + Đường sỏi lớn chiều dài 16 km, chiều rộng mặt đường: 3,5 m, lề đường: 1,5 m x 2.
- + Đường bê tông lớn chiều dài 16 km, chiều rộng mặt đường 3,5 m, lề đường: 1,5 m x 2.
- + Đường sỏi nhỏ chiều dài 4 km, chiều rộng 1 m (đoạn dốc xây bậc tam cấp, đoạn bằng lát đá sỏi).

+ Đường bê tông nhỏ chiều dài 4 km, chiều rộng 1 m.

- Cầu treo 01 cái; chiều dài cầu 29 m, chiều rộng 1,5 m; dây cáp chịu lực chính; lót gỗ 2 bên cột sử dụng bê tông mac 250.

- Cầu bê tông 02 cái, qui cách rộng 8 m, dài 27m

- Vốn đầu tư: 93.500.000.000 đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: Năm 2016 - 2020

**(4). Mua sắm các trang thiết bị bảo vệ rừng**

- Vốn đầu tư: 3.102.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

	<b>Trang thiết bị văn phòng</b>		
+	Máy phát điện phục vụ khu hành chính dịch vụ (50kva)	1	Cái
+	Hệ thống pin năng lượng mặt trời (480W)	10	Bộ
	<b>Trang thiết bị quản lý bảo vệ rừng</b>		
+	<i>Công cụ hỗ trợ</i>		
*	Roi điện	12	Cái
*	Roi cao su	24	Cái
*	Bình xịt hơi cay	26	Cái
*	Mũ Bảo hiểm	80	Cái
*	Còng số 8	50	Cái
+	<i>Dụng cụ kỹ thuật</i>		
*	Máy định vị	20	Cái
*	La bàn	10	Cái
*	Máy ảnh kỹ thuật số	16	Cái
*	Máy quay phim	2	Cái
*	Ống nhòm	8	Cái
	<b>Phương tiện phục vụ quản lý bảo vệ rừng</b>		
+	Xe gắn máy 2 bánh	12	Chiếc
+	Xe ô tô 2 cầu	2	Chiếc

**9.2. Chương trình đầu tư khoán bảo vệ rừng:**

- Khối lượng đầu tư: 25.000 ha

- Vốn đầu tư: 64.200.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: 2015 - 2020.

### **9.3. Chương trình đầu tư phục hồi sinh thái rừng**

#### **(1). Trồng rừng**

- Khối lượng đầu tư: 44,7 ha

- Vốn đầu tư: 1.341.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: năm 2016

#### **(2). Chăm sóc rừng trồng**

- Khối lượng đầu tư:

+ Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4 tại tiểu 28 diện tích 17 ha

+ Chăm sóc rừng trồng năm thứ 3, 4 tại tiểu khu 26, 28 diện tích 9 ha

+ Chăm sóc rừng trồng năm 2016 (năm 2, 3, 4) tại tiểu khu 21, 26, 28 diện tích 44,7 ha

- Vốn đầu tư: 1.696.795.395 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: 2015 - 2019.

#### **(3). Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên**

- Quy mô đầu tư: 2.992 ha

- Vốn đầu tư: 4.888.188.650 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

#### **(4). Xây dựng hệ thống các ô tiêu chuẩn định vị**

- Tổng số ô định vị: 10 ô

- Vốn đầu tư: 2.000.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2017

### **9.4. Chương trình bảo tồn đa dạng sinh học:**

#### **(1). Chương trình đầu tư bảo tồn các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm**

- Quy mô đầu tư:

+ Điều tra xây dựng bản đồ thảm thực vật rừng: 25.788,6 ha

+ Điều tra định vị các cây thuộc các loài nguy cấp, quý, hiếm. Lập danh sách tọa độ vị trí các cây này và thể hiện vị trí trên bản đồ: 200 cây



+ Xây dựng bộ tiêu bản ảnh các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm, gồm ảnh chụp hình thái cả cây, hình thái lá, hoa, quả và sinh cảnh phân bố: 50 loài

+ Xây dựng bộ phiếu mô tả các cây thuộc các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm: 50 loài

+ Xây dựng dự án theo dõi, giám sát, cập nhật, đánh giá diễn biến các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm và đề xuất các giải pháp bảo tồn

+ Vốn đầu tư: 600.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015

## **(2). Chương trình đầu tư bảo tồn động vật hoang dã**

- Quy mô đầu tư:

+ Xây dựng dự án theo dõi, giám sát, cập nhật, đánh giá diễn biến các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

+ Điều tra, lập danh sách, phiếu mô tả tập tính, sinh cảnh, vùng phân bố các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm ở hệ sinh thái trên cạn: 50 loài

+ Điều tra lập danh sách, phiếu mô tả tập tính, sinh cảnh, vùng phân bố các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm ở hệ sinh thái đất ngập nước: 50 loài

+ Điều tra xây dựng bản đồ phân bố các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm: 25.788,6 ha

- Vốn đầu tư: 1.900.000.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

## **(3). Cải tạo sinh cảnh đồng cỏ, mở rộng bãi kiếm ăn cho các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài thú móng guốc**

- Quy mô đầu tư: 85,7 ha.

- Vốn đầu tư: 8.570.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2016 - 2019

## **(4). Xây dựng nhà lưu trữ tiêu bản động thực vật rừng**

- Quy mô đầu tư: 01 dự án

- Vốn đầu tư: 3.000.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: 2016

**9.5. Chương trình đầu tư xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học:**

**(1). Khởi tạo, xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất rừng**

- Quy mô đầu tư: 01 dự án
- Vốn đầu tư: 3.000.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015, 2017, 2019

**(2). Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng quan tài nguyên rừng**

- Quy mô đầu tư: 25.778,6 ha
- Vốn đầu tư: 800.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**(3). Xuất bản cuốn sách tài nguyên động thực vật rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.**

- Quy mô đầu tư: 600 cuốn.
- Vốn đầu tư: 330.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015

**(4). Xây dựng trang web Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.**

- Quy mô đầu tư: 01 công trình
- Vốn đầu tư: 300.000.000 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: Năm 2016

**(5). Tuyên truyền giáo dục cộng đồng dân cư địa phương.**

- Quy mô đầu tư: 6 lớp/năm x 7 năm
- Vốn đầu tư: 1.524.200.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn viện trợ không hoàn lại
- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**9.6. Nhóm các chương trình đầu tư nghiên cứu khoa học**

**(1). Chương trình đầu tư nghiên cứu xây dựng trung tâm cứu hộ sinh vật tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (được thực hiện khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận, không sử dụng vốn ngân sách địa phương)**

- Quy mô đầu tư
  - + Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm và kiến thức tại các Trung tâm Cứu hộ tại Việt Nam: 02 chuyên
  - + Xây dựng dự án thành lập Trung tâm Cứu hộ Sinh vật của Vườn Quốc



gia Bù Gia Mập: 20 ha

- Vốn đầu tư: 1.050.000.000 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn viện trợ không hoàn lại
- Kỳ đầu tư: Năm 2017.

**(2). Chương trình đầu tư nghiên cứu bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên**

- Quy mô đầu tư: 25.778,6 ha
- Vốn đầu tư: 700.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn viện trợ không hoàn lại
- Kỳ đầu tư: Năm 2015

**(3). Chương trình đầu tư nghiên cứu bảo tồn nguồn gen**

- Quy mô đầu tư: 25.778,6 ha
- Vốn đầu tư: 700.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn viện trợ không hoàn lại
- Kỳ đầu tư: Năm 2015

**9.7. Chương trình đầu tư cho công tác Phòng cháy chữa cháy rừng:**

**(1). Xây dựng các hồ, cần chứa nước**

- Khối lượng và vốn đầu tư

STT	Mã số	Công trình	Thành tiền (đồng)	Năm đầu tư
1	1	Cần Đak Đo 1	15.782.238	2018
2	2	Cần Đak Đo 2 (Trạm số 9)	24.423.711	2018
3	4	Cần Đak Tre (Trạm số 8)	6.143.423	2019
4	3	Cần Đak Ca 1	17.079.358	2019
5	9	Cần Đak Sam	21.582.535	2020
6	7	Cần Đak Sá 1	20.188.018	2020
7	8	Cần Đak Sá 2	49.442.805	2017
8	10	Hồ Cấp nước Trạm 2	1.105.414.805	2018
9	12	Hồ Suối Mít	3.757.000.000	2015
10	13	Hồ Cầu Sắt	5.221.421.310	2016
11	14	Hồ Đak Kon	23.000.000.000	2014
<b>Tổng</b>			<b>33.238.478.203</b>	
- Phần cần dâng nước (7 công trình)			154.642.088	
- Phần hồ chứa (4 công trình)			33.083.836.115	

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**(2). Lập hệ thống đường băng cản lửa**

- Quy mô đầu tư:

Bề rộng mỗi bên của đường băng cản lửa 5 m, tổng chiều dài đường băng là 61.100 m = 61 ha.

- Vốn đầu tư: 1.168.425.720 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**(3). Xây dựng bảng báo hiệu cấp dự báo cháy rừng**

- Quy mô đầu tư: 80 biển cấp dự báo cháy rừng.
- Vốn đầu tư: 160.000.000 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015, 2017, 2020

**(4). Mua sắm phương tiện và trang thiết bị phục vụ PCCC rừng**

- Quy mô đầu tư
- + Loa phóng thanh cầm tay: 12 Cái
- + Ống nước cao áp: 3.000 M
- + Lăng nối ống: 150 Cái
- + Vỏ ruột xe bồn: 14 Bộ
- + Bảng cản lửa: 75 Cái
- + Bảng báo điểm lấy nước: 30 Cái
- + Bình xịt máy đeo vai: 100 Cái
- + Bể có khung rời 3.000 lít: 27 Cái
- + Máy bơm nước: 8 Cái
- + Máy phát điện phục vụ công tác chữa cháy: 5 Cái
- + Xe chữa cháy chuyên dùng: 1 Chiếc
- + Xe tuần tra, kéo bồn nước chữa cháy: 2 Chiếc
- Vốn đầu tư: 4.963.000.000 đồng (cụ thể xem phục lục số 3)
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**(5). Hợp đồng phòng cháy, chữa cháy rừng với cộng đồng dân cư địa phương**

- Quy mô đầu tư
- + Hợp đồng quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng: 5 năm.
- + Nón bảo hộ: 60 cái
- + Quần áo: 60 bộ
- + Giày bảo hộ: 60 đôi

- Vốn đầu tư: 4.542.600.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: Năm 2016 - 2020

**(6). Tổ chức tập huấn, diễn tập hàng năm về Phòng cháy chữa cháy rừng**

- Quy mô đầu tư: lực lượng tham gia diễn tập hàng năm khoảng 200 người.

- Vốn đầu tư: 660.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**(7). Tuyên truyền giáo dục về phòng chống cháy rừng**

- Quy mô đầu tư 5 lớp/năm x 6 năm = 35 lớp
- Vốn đầu tư: 480.000.000 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương
- Kỳ đầu tư: năm 2015- 2020.

**9.8. Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng:**

**(1). Chương trình đầu tư điều tra, đánh giá, đề xuất các giải pháp phát triển du lịch sinh thái**

- Quy mô đầu tư
- + Xây dựng dự án phát triển du lịch sinh thái: 1 dự án
- + Đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ du khách
- + Đầu tư, xây dựng sa bàn, diễn giải môi trường: 1 cái
- + Các trạm dừng chân: 4 trạm
- + Chòi vọng cảnh: 6 cái
- + Khu cắm trại trong rừng: 22 ha
- Vốn đầu tư: 5.280.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương
- Kỳ đầu tư: 2015, 2018, 2019

**(2). Chương trình đầu tư dịch vụ môi trường rừng**

**a). Chương trình đầu tư điều tra lượng giá kinh tế tài nguyên đa dạng sinh học**

- Quy mô đầu tư: 01 dự án
- Vốn đầu tư: 1.000.000.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015

**b). Chương trình đầu tư điều tra, đánh giá, đề xuất các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững các loài thực vật có giá trị dược liệu ở Vườn quốc gia Bù Gia Mập**

- Quy mô đầu tư: 01 dự án

- Vốn đầu tư: 1.000.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: 2015

**c). Chương trình điều tra, đánh giá, đề xuất bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên lâm sản ngoài gỗ ở Vườn quốc gia Bù Gia Mập**

- Quy mô đầu tư: 01 dự án

- Vốn đầu tư: 700.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015

**d). Chương trình đầu tư nghiên cứu dịch vụ môi trường rừng**

- Quy mô đầu tư: 25.788,6 ha

- Vốn đầu tư: 1.000.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương

- Kỳ đầu tư: Năm 2016

**9.9. Quy hoạch các biện pháp bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm khu vực giáp ranh với Campuchia:**

- Quy mô đầu tư: 01 dự án

- Vốn đầu tư: 6.000.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn viện trợ không hoàn lại

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

**9.10. Quy hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực:**

**(1). Chương trình đầu tư nâng cao năng lực chuyên môn**

- Quy hoạch đào tạo

+ Trình độ chuyên môn sau đại học 7 người; đại học 12 người

+ Ngoại ngữ: 4 người

+ Tin học: 3 người

+ GIS: 3 người

+ Bảo tồn động thực vật rừng: 4 người

- Vốn đầu tư: 1.330.000.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Tự túc, Ngân sách địa phương hỗ trợ (nếu có)

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

## **(2). Chương trình đầu tư nâng cao năng lực quản lý**

- Quy mô đầu tư:

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 8 người; Trung cấp 7 người; Sơ cấp: 3 người (theo tiêu chuẩn, xét duyệt hàng năm)

+ Trình độ quản lý nhà nước: Ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính 6 người; Ngạch chuyên viên 6 người (theo tiêu chuẩn, xét duyệt hàng năm)

+ Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm quản lý. Trong nước: 5 chuyến; Ngoài nước: 2 chuyến (theo nguồn thu ngân sách của địa phương)

- Vốn đầu tư: 1.240.000.000 đồng..

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

### **9.11. Quy hoạch phát triển vùng đệm và xây dựng mô hình sinh kế**

- Quy mô đầu tư

+ Xây dựng dự án quy hoạch phát triển và hỗ trợ sản xuất tại vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập: 01 dự án

+ Xây dựng mô hình sinh kế của cộng đồng địa phương gắn với công tác bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học: 01 dự án

+ Hỗ trợ sản xuất cho các thôn thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia:

- Vốn đầu tư: 6.080.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2016 - 2020

### **9.12. Xây dựng nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên**

- Quy mô đầu tư: 30 phòng

- Vốn đầu tư: 8.000.000.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2019

### **9.13. Đánh giá tác động môi trường**

- Quy mô đầu tư: 6 năm

- Vốn đầu tư: 14.266.884.398 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương

- Kỳ đầu tư: Năm 2015 - 2020

## **10. Tổng hợp vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư: 305.605 triệu đồng, trong đó:

**(1) Tổng hợp vốn đầu tư theo các hạng mục:**

- Chương trình đầu tư bảo vệ rừng: 118.335 triệu đồng, chiếm 38,7%
- Chương trình đầu tư khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài: 64.200 triệu đồng, chiếm 21,0%
- Chương trình đầu tư phục hồi sinh thái rừng: 9.926 triệu đồng, chiếm 3,2%
- Chương trình bảo tồn đa dạng sinh học: 14.070 triệu đồng, chiếm 4,6%
- Chương trình đầu tư xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học: 5.954 triệu đồng, chiếm 1,9%
- Chương trình đầu tư nghiên cứu khoa học: 2.450 triệu đồng, chiếm 0,8%
- Chương trình đầu tư cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng: 45.213 triệu đồng, chiếm 14,8%
- Chương trình đầu tư điều tra, đánh giá, đề xuất các giải pháp phát triển du lịch sinh thái: 8.980 triệu đồng, chiếm 2,9%
- Quy hoạch các biện pháp bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm khu vực giáp ranh với Campuchia: 6.000 triệu đồng, chiếm 2,0%
- Quy hoạch đầu tư phát triển nguồn nhân lực: 2.570 triệu đồng, chiếm 0,8%
- Quy hoạch đầu tư phát triển vùng đệm: 5.640 triệu đồng, chiếm 1,8%
- Xây dựng nhà tập thể cán bộ công nhân viên: 8.000 triệu đồng, chiếm 2,6%
- Chi phí đánh giá và thẩm định tác động môi trường: 14.267 triệu đồng, chiếm 4,7%

**(2). Tổng hợp vốn đầu tư theo nguồn vốn**

- Vốn Trung ương: 195.744 triệu đồng, chiếm 64,1%
- Vốn địa phương: 99.886 triệu đồng, chiếm 32,7%
- Vốn viện trợ không hoàn lại: 9.974 triệu đồng, chiếm 3,3%

**(3). Tổng hợp vốn đầu tư theo phân kỳ đầu tư**

- Năm 2015: 59.175 triệu đồng, chiếm 19,4%
- Năm 2016: 48.139 triệu đồng, chiếm 15,8%
- Năm 2017: 67.690 triệu đồng, chiếm 22,1%
- Năm 2018: 46.506 triệu đồng, chiếm 15,2%
- Năm 2019: 48.076 triệu đồng, chiếm 15,7%
- Năm 2020: 36.018 triệu đồng, chiếm 11,8%

**(4). Tổng hợp vốn đầu tư theo mức độ ưu tiên**

Năm	Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Tổng
2015	46.425	9.650	3.100	59.175
2016	32.270	5.629	10.240	48.139
2017	21.340	3.298	43.053	67.690
2018	22.468	4.663	19.375	46.506
2019	14.673	6.364	27.040	48.076
2020	20.727	851	14.440	36.018
<b>Tổng</b>	<b>157.903</b>	<b>30.454</b>	<b>117.248</b>	<b>305.605</b>

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ban quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tổ chức công bố quy hoạch, tuyên truyền, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hàng năm, Ban quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập đăng ký hạng mục thực hiện và kế hoạch vốn theo quy định hiện hành; lập dự án đầu tư, dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Tùy thuộc cân đối nguồn thu hàng năm của địa phương và hỗ trợ trung ương hoặc hỗ trợ khác (nếu có) để phân bổ vốn thực hiện cho từng hạng mục đầu tư quy hoạch nói trên.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, Giám đốc Ban quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như điều 3;
- Trung tâm Nghiên cứu Rừng và Đất ngập nước;
- LDVP, Phòng: KTN, KTTH;
- Lưu: VT (@.Thắng) 14



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm